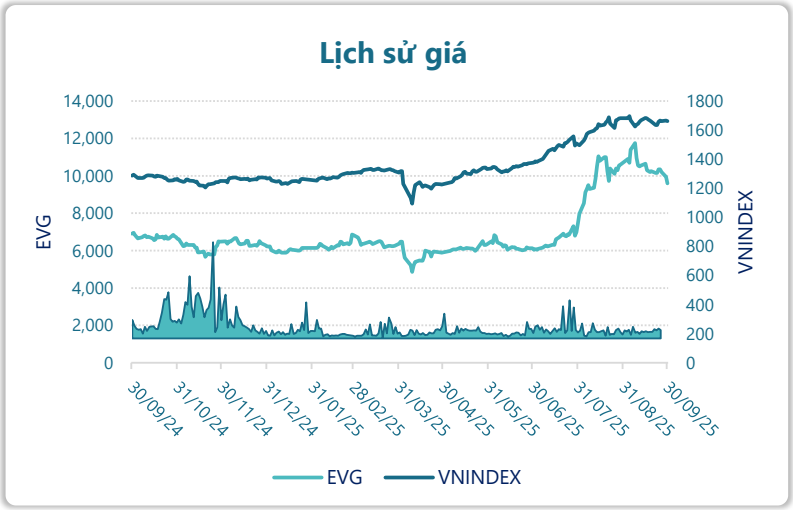
FireAnt

CTCP Tập đoàn Everland (HSX: EVG)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,590**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,750
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,860
SL cổ phiếu LH	215,249,836
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,843,885
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,064
P/E	50.1
EPS	192

DT thuần

Q3/25

187

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.00| -3.9%

YoY: ▼145| -43.6%

LN sau thuế

Q3/25

16.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.40| 50.8%

YoY: ▲ 7.06| 78.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

11.9%

+/- YoY: ▲ 7.8%

DT thuần

9T 2025

575

tỷ VNĐ

YoY: ▼387| -40.3%

LN sau thuế

9T 2025

38.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.00| 2.5%

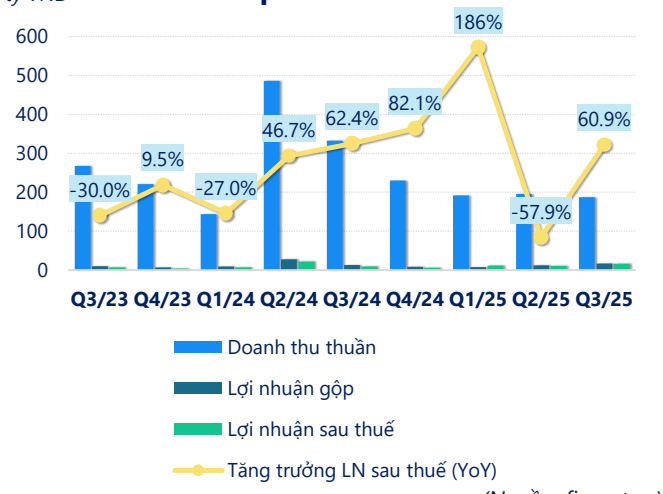
ROE

Q3/25

1.4%

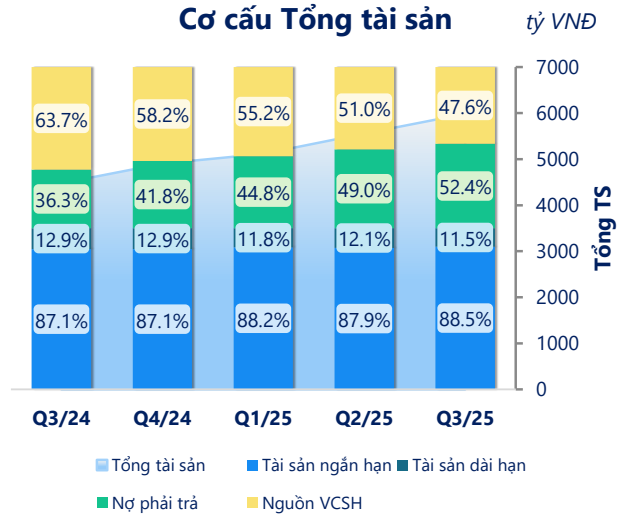
+/- YoY: ▲ 0.1%

Kết quả kinh doanh



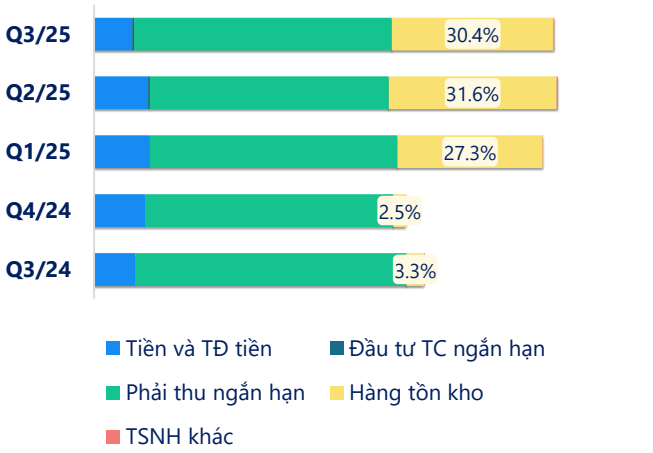
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



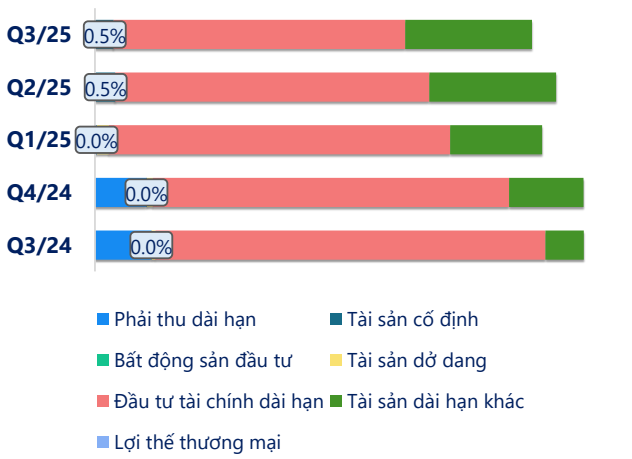
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



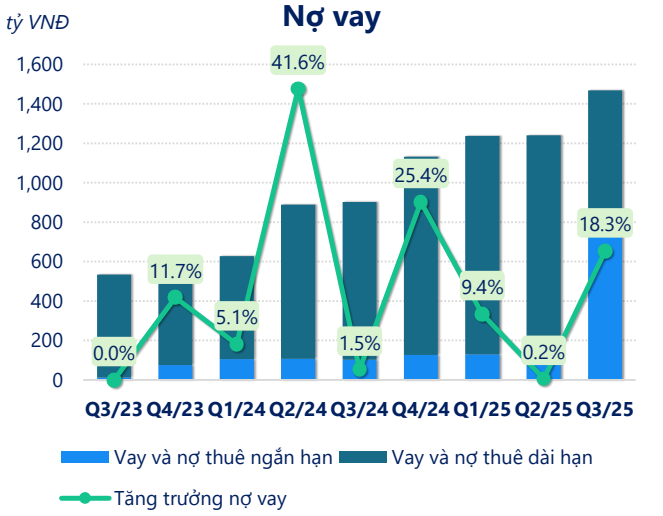
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



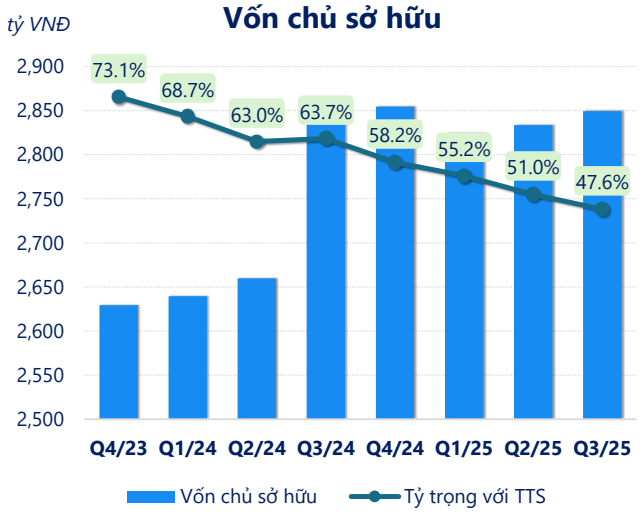
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



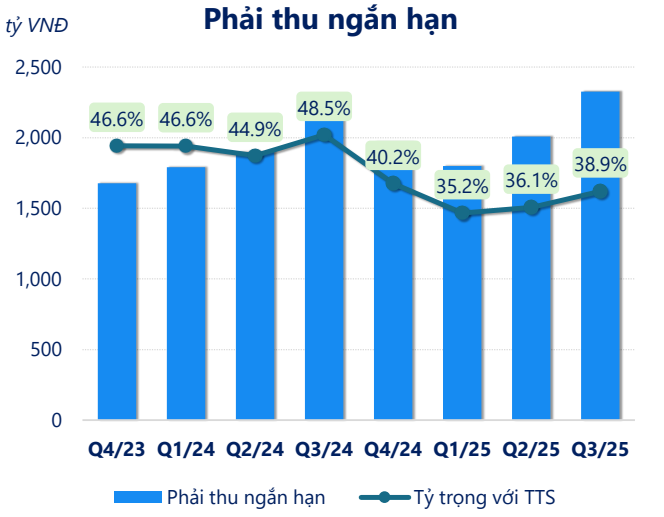
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



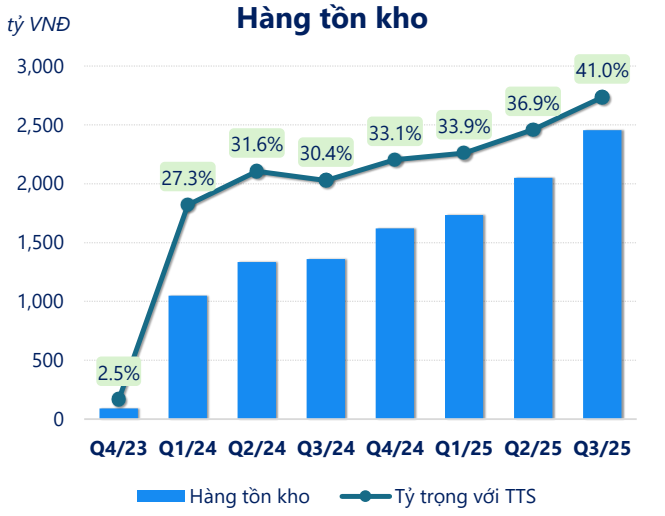
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



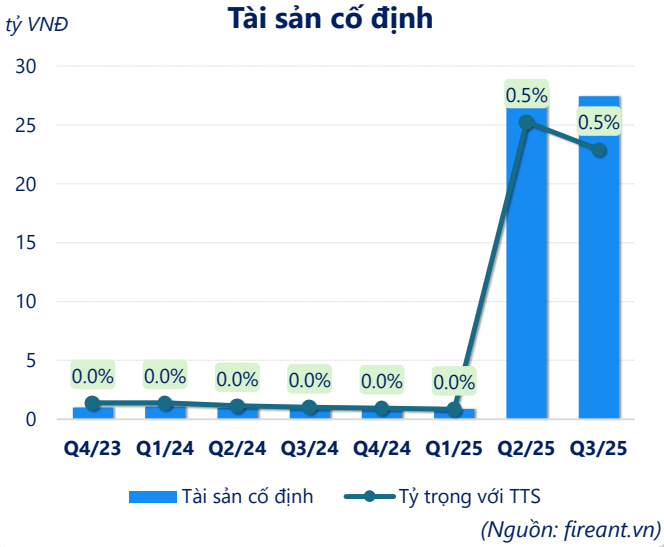
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



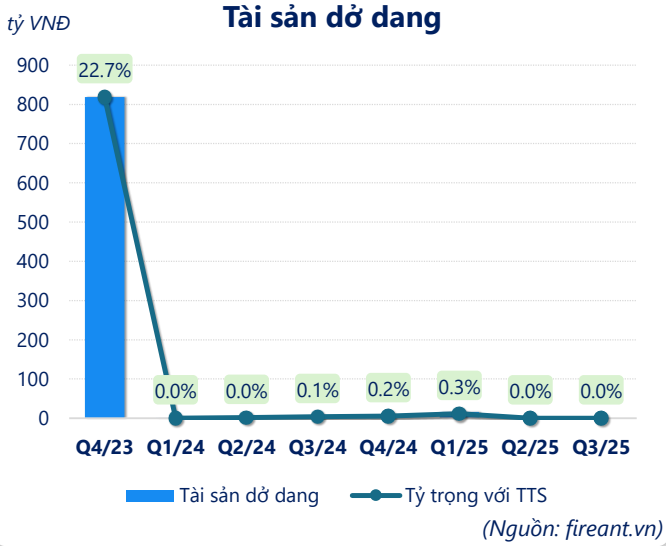
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



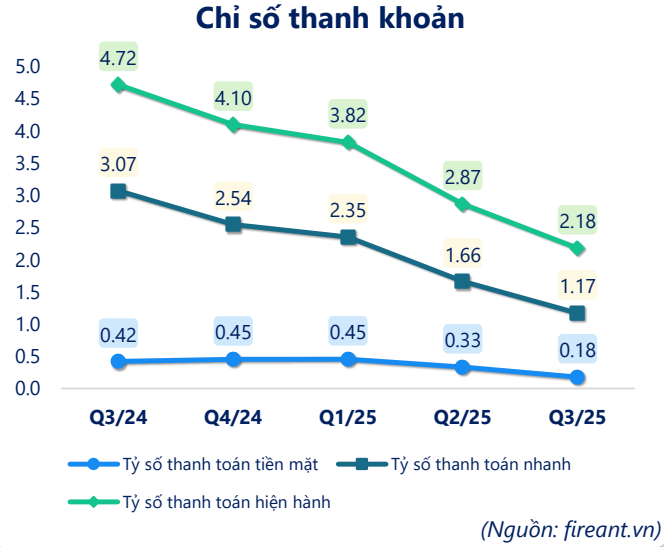
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



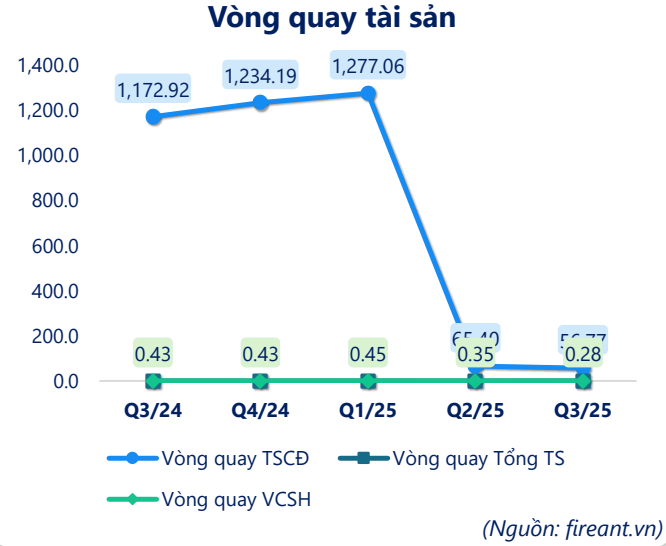
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**4,475**	**4,901**	**5,113**	**5,556**	**5,983**
Tài sản ngắn hạn	**3,899**	**4,270**	**4,511**	**4,881**	**5,295**
Tiền và tương đương tiền	348	471	536	563	430
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.0	194	418	225	30.5
Phải thu ngắn hạn	2,170	1,969	1,799	2,007	2,327
Hàng tồn kho	1,361	1,620	1,733	2,049	2,454
Tài sản ngắn hạn khác	6.23	16.5	23.9	36.6	53.8
Tài sản dài hạn	**576**	**630**	**602**	**674**	**688**
Phải thu dài hạn	66.0	66.0	1.76	1.66	1.76
Tài sản cố định	0.91	0.93	0.87	28.1	27.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	4.44	7.85	16.1	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	460	460	460	460	460
Tài sản dài hạn khác	45.1	96.1	124	185	200
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,626**	**2,046**	**2,289**	**2,722**	**3,134**
Nợ ngắn hạn	**827**	**1,042**	**1,180**	**1,703**	**2,431**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	103	127	129	221	765
Phải trả người bán ngắn hạn	179	221	220	411	448
Nợ dài hạn	800	1,005	1,109	1,019	703
Vay và nợ thuê dài hạn	799	1,005	1,109	1,019	703
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,849**	**2,854**	**2,824**	**2,833**	**2,849**
Vốn chủ sở hữu	**2,849**	**2,854**	**2,824**	**2,833**	**2,849**
Vốn điều lệ	2,152	2,152	2,152	2,152	2,152
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)